

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/NQ-HĐND

*Bình Thuận, ngày 07 tháng 12 năm 2018***NGHỊ QUYẾT****Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách
địa phương; phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2019****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4722/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước; sử dụng dự phòng ngân sách, ứng trước ngân sách năm 2018 và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1.** Nhất trí thông qua dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 9.380.000 triệu đồng.

(Trong đó thu nội địa là 6.280.000 triệu đồng, thu từ dầu thô là 1.600.000 triệu đồng và thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu là 1.500.000 triệu đồng)

2. Tổng chi ngân sách địa phương: 9.527.455 triệu đồng.

(Kèm theo các phụ lục I và II)

Điều 2. Nhất trí phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2019 như sau:

1. Tổng thu cân đối ngân sách cấp tỉnh là 8.171.555 triệu đồng (bao gồm thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng theo phân cấp là 4.396.153 triệu đồng, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương cho ngân sách tỉnh là 3.723.702 triệu đồng và thu từ vay Trung ương là 51.700 triệu đồng), chiếm 85,77% tổng thu ngân sách địa phương. Tổng thu cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố là 1.355.900 triệu đồng, chiếm 14,23% tổng thu ngân sách địa phương.

2. Tổng chi cân đối ngân sách cấp tỉnh là 8.171.555 triệu đồng. Sau khi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố là 2.498.351 triệu đồng thì tổng số thực chi cân đối ngân sách tỉnh là 5.673.204 triệu đồng, chiếm 59,55% tổng chi ngân sách địa phương. Tổng chi cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm cả bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố) là 3.854.251 triệu đồng, chiếm 40,45% tổng chi ngân sách địa phương.

3. Phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2019 cho từng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và mức bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách từng huyện, thị xã, thành phố theo các phụ lục III, IV, V kèm theo.

Điều 3. HĐND tỉnh tán thành các biện pháp thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2019 do UBND tỉnh trình và báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, đồng thời nhấn mạnh những biện pháp chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Chính phủ về chính sách tài khóa chặt chẽ, tiết kiệm để góp phần cùng Trung ương thực hiện kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, chú trọng cải thiện chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững; thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Chấp hành nghiêm Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 08/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tạo sự chuyển biến rõ nét về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách.

Tổ chức thực hiện tốt các Luật thuế mới; đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu, phân đấu tỷ lệ nợ thuế không quá 5% số thực thu ngân sách nhà nước; thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác theo quy định của pháp luật. Tích cực khai thác nguồn thu từ quỹ đất, từ hoạt động kinh doanh, khai thác tài nguyên khoáng sản, dịch vụ du lịch, từ các cơ sở sản xuất kinh doanh có quy mô lớn mới đi vào hoạt động trong năm 2019. Quản lý tốt các nguồn thu từ các hoạt động mua, bán, chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng và cấp quyền sử dụng đất. Thực hiện thu số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Đẩy mạnh các biện pháp chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý giá, thực hiện các biện pháp bình ổn giá nhất là trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi; phát hiện xử lý kịp thời các hành vi đầu cơ, trục lợi, nâng giá, ép giá.

2. UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện chi ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán các công trình trọng điểm quan trọng, bức xúc của tỉnh, nợ xây dựng cơ bản, nợ đề án giao thông nông thôn và các công trình chuyển tiếp có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2019 nhằm phát huy hiệu quả đầu tư. Chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác quyết toán công trình hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Đảm bảo kinh phí đáp ứng kịp thời cho các nhu cầu chi lương và chi hoạt động thường xuyên của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; chi cho các nhiệm vụ trọng tâm; chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, gia đình chính sách; chi thực hiện công trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, chi cho công tác xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm; bố trí dự phòng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để chủ động phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán.

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi qua hệ thống Kho bạc Nhà nước. Tăng cường thực hiện công khai tài chính và đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng ở từng cơ quan, đơn vị.

3. UBND tỉnh giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; nhiệm vụ thu, chi và mức bổ sung từ ngân sách tỉnh cho từng huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh trước ngày 15 tháng 12 năm 2018. Các sở, ban, ngành,

đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 đến từng đơn vị trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tổ chức việc công khai dự toán ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. UBND tỉnh cần có các giải pháp chỉ đạo các ngành, các cấp phần đầu thu ngân sách vượt dự toán được giao; tích cực tìm nguồn vốn để đáp ứng đủ vốn thanh toán cho các công trình trọng điểm của tỉnh và bảo đảm thanh toán nợ vay khi đến hạn. Đồng thời, điều hành chi ngân sách theo kế hoạch và tiến độ thu.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục I
TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	Tổng thu NSNN trên địa bàn	9.380.000
I	Thu nội địa (không kể thu dầu thô)	6.280.000
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	1.030.000
1.1	Thuế giá trị gia tăng	765.000
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	190.000
1.3	Thuế tài nguyên	75.000
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	100.000
2.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất KD trong nước	71.000
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.000
2.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước	0
2.4	Thuế tài nguyên	8.000
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	550.000
3.1	Thuế giá trị gia tăng	469.000
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.000
3.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước	500
3.4	Thuế tài nguyên	500
3.5	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	0
4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.100.000
4.1	Thuế giá trị gia tăng hàng SXKD trong nước	776.740
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	266.500
4.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng SX trong nước	14.210
4.4	Thuế tài nguyên	42.550
5	Thu sử dụng đất nông nghiệp	500
6	Thuế thu nhập cá nhân	506.000
7	Lệ phí trước bạ	270.000
8	Thuế bảo vệ môi trường	585.000

9	Thu phí, lệ phí	150.000
9.1	Thu phí, lệ phí Trung ương	65.000
9.2	Thu phí, lệ phí tỉnh, huyện	57.000
9.3	Thu phí, lệ phí xã	9.000
9.4	Lệ phí môn bài	19.000
10	Các khoản thu về nhà, đất	864.000
10.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9.000
10.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	150.000
10.3	Thu tiền sử dụng đất	700.000
10.4	Thu tiền bán nhà và thuê nhà ở thuộc SHNN	5.000
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	7.500
12	Thu khác ngân sách	200.000
13	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	80.000
13.1	Do Trung ương cấp	32.000
13.2	Do tỉnh cấp	48.000
14	Thu Xổ số kiến thiết	830.000
15	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại	7.000
II	Thu từ dầu thô	1.600.000
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.500.000
1	Thuế xuất khẩu	10.000
2	Thuế nhập khẩu	65.000
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0
4	Thuế bảo vệ môi trường	25.000
5	Thuế giá trị gia tăng	1.400.000
	Tổng thu ngân sách địa phương	9.527.455
1	Các khoản thu 100%	2.374.503
2	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	3.377.550
3	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	3.723.702
	- Trong đó bổ sung cân đối	1.858.125
4	Vay Trung ương	51.700

Phụ lục II
TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	Tổng chi NSDP (A + B)	9.527.455
A	Chi cân đối ngân sách	8.293.877
I	Chi đầu tư phát triển	2.074.762
1	Chi Xây dựng cơ bản	1.062.262
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi đầu tư XD CB từ tiền sử dụng đất	569.200
	- Chi hoàn ứng ngân sách	150.000
2	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	830.000
3	Chi trả nợ vay	60.800
4	Kinh phí dự án XD hồ sơ địa chính, CSDL đất đai	20.000
5	Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất	50.000
6	Chi từ nguồn vay Trung ương	51.700
II	Chi thường xuyên	6.057.924
1	Chi sự nghiệp kinh tế	608.853
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi	61.806
	- Chi sự nghiệp giao thông	42.622
	- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	77.030
	- Chi sự nghiệp khác	259.254
	<i>Trong đó kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	<i>150.089</i>
	- Chi quy hoạch	9.153
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, dạy nghề	2.618.835
	- Chi giáo dục	2.477.730
	- Chi đào tạo, dạy nghề	141.105
3	Chi sự nghiệp y tế	719.744

4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	20.723
5	Chi sự nghiệp văn hóa	61.230
6	Chi sự nghiệp thông tin truyền thông	43.166
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	24.366
8	Chi đảm bảo xã hội	370.717
9	Chi sự nghiệp môi trường	188.120
10	Chi quản lý hành chính	1.088.270
11	Chi an ninh quốc phòng địa phương	228.691
12	Chi khác ngân sách	71.309
13	Chi từ nguồn thu phạt vi phạm hành chính	13.900
III	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	1.200
IV	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000
V	Dự phòng	158.991
VI	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	0
B	Chi chương trình mục tiêu, một số nhiệm vụ Trung ương giao	1.233.578
	Tổng số vay trong năm	92.700
I	Vay để bù đắp bội chi	51.700
II	Vay để trả nợ gốc	41.000

Phụ lục III
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
A	Ngân sách cấp tỉnh	
I	Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh	8.171.555
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	4.396.153
	- Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%	1.496.253
	- Các khoản thu phân chia phần ngân sách cấp tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.899.900
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	3.723.702
	- Trong đó bổ sung cân đối	1.858.125
3	Vay Trung ương	51.700
II	Chi ngân sách cấp tỉnh	8.171.555
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	5.673.204
2	Bổ sung cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố	2.498.351
	- Trong đó bổ sung cân đối	2.498.351
B	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm ngân sách xã, phường, thị trấn)	
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố	3.854.251
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	1.355.900
	- Các khoản thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng 100%	628.100
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	727.800
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	2.498.351
	- Trong đó bổ sung cân đối	2.498.351
II	Chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố	3.854.251

Phụ lục IV
DỰ TOÁN THU, CHI VÀ SỐ BỔ SUNG NGÂN SÁCH CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố	Số bổ sung ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố	
					Tổng số	Trong đó bổ sung cân đối
A	B	I	2	3	4=3-2	5
1	Phan Thiết	1.100.000	593.900	609.868	15.968	15.968
2	Tuy Phong	210.000	130.100	419.584	289.484	289.484
3	Bắc Bình	105.000	68.030	441.844	373.814	373.814
4	Hàm Thuận Bắc	286.000	199.450	525.104	325.654	325.654
5	Hàm Thuận Nam	150.000	88.645	342.965	254.320	254.320
6	La Gi	155.000	104.575	320.849	216.274	216.274
7	Hàm Tân	87.000	51.100	250.151	199.051	199.051
8	Đức Linh	92.000	51.825	403.785	351.960	351.960
9	Tánh Linh	83.000	51.425	398.040	346.615	346.615
10	Phú Quý	22.000	16.850	142.061	125.211	125.211
	Tổng cộng	2.290.000	1.355.900	3.854.251	2.498.351	2.498.351

Phụ lục V
BIỂU PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Dự toán năm 2019	Chi từ nguồn cân đối NSDP											Chi ctmt, nhiệm vụ (*)	Nguồn KP thực hiện cải cách tiền lương	Chi chuyển nguồn qua năm sau				
			Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên												Khác			
					Tổng số	SN KINH TẾ	SN GDĐT	SN Y TẾ	SN KHCN	SN VH	SN TTTT	SN TD TT	SN XH					SN Môi Trường	QUẢN LÝ HC	Khác
A	B	$l=2+6+7+8$	$2=3+4+5$	3	4a	4b	4c	4d	4e	4f	4g	4h	4i	4j	4k	5	6	7	8	
I	Các cơ quan đơn vị của tỉnh	5.587.587	4.354.009	1.808.72	492.882	554.018	719.744	20.723	36.364	27.255	22.024	113.129	52.456	342.373	164.279	0	1.233.578	0	0	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	12.857	12.857											12.857						
2	Văn phòng UBND tỉnh và đơn vị trực thuộc	30.343	30.343											30.343						
3	Sở Kế hoạch Đầu tư	7.635	7.635											7.635						
4	Ngành Tư pháp	8.792	8.792									2.161		6.631						
5	Ngành Công thương	12.782	12.782		4.914									7.868						
6	Sở Nội vụ và các đơn vị trực thuộc	45.851	45.851		6.527	11.000								28.324						
7	Ngành Khoa học Công nghệ	22.021	22.021					17.214						4.807						
8	Ngành Tài chính	12.669	12.669		688									11.981						

9	Ngành Lao động TBXH	105.006	105.006	105.006	11.935								85.211		7.860			
10	Ngành Xây dựng	9.142	9.142	9.142	262										8.880			
11	Ngành Giao thông Vận tải	47.372	47.372	47.372	29.215										18.157			
12	Ban an toàn giao thông	11.321	11.321	11.321	11.321													
13	Ngành Thông tin truyền thông	15.517	15.517	15.517					10.278						5.239			
14	Ngành Tài nguyên môi trường	47.008	47.008	47.008	31.384										9.989			
15	Ngành Văn hóa Thể thao Du lịch	82.723	82.723	82.723	2.352				34.007				22.024		7.366			
16	Thanh tra Tỉnh	7.065	7.065	7.065											7.065			
17	Đài phát thanh truyền hình	16.977	16.977	16.977					16.977									
18	Ban Dân tộc	24.830	24.830	24.830	5.477										3.796			
19	BQL các khu công nghiệp	3.005	3.005	3.005											3.005			
20	Sở Giáo dục Đào tạo	403.738	403.738	403.738						396.159					7.579			
21	Ngành Y tế	581.130	581.130	581.130	60					571.800					9.220			
22	Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ	6.926	6.926	6.926						6.926								
23	Ngành Nông nghiệp & PTNT	201.877	201.877	201.877	171.409										10.967			
24	Ban Chi huy PCTT&TKCN	1.299	1.299	1.299														
25	Trường chính trị	12.269	12.269	12.269						12.269								
26	Trường Cao đẳng công đồng	22.794	22.794	22.794						22.794								

IV	Dự phòng ngân sách	83.417	83.417	0	0	492.882	554.018	719.744	20.723	36.364	27.255	22.024	113.129	52.456	342.373	164.279	85.617	1.233.578	0	0
V	Chi thực hiện cải cách tiền lương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	TỔNG CỘNG	83.417	83.417	0	0	492.882	554.018	719.744	20.723	36.364	27.255	22.024	113.129	52.456	342.373	164.279	85.617	1.233.578	0	0